

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 114/2014/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2014

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số:..... Ngày:.....

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định về đối tượng, điều kiện được phép nhập khẩu,
phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về đối tượng, điều kiện được
phép nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng.*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về đối tượng, điều kiện được phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ và quản lý hoạt động phá dỡ tàu biển tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài liên quan đến hoạt động nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ và hoạt động phá dỡ tàu biển tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Phá dỡ tàu biển là hoạt động tháo dỡ toàn bộ cấu trúc tàu biển tại cơ sở phá dỡ tàu biển.
2. Cơ sở phá dỡ tàu biển là khu vực chuyên dùng để phá dỡ tàu biển.

3. Doanh nghiệp phá dỡ tàu biển là doanh nghiệp do tổ chức, cá nhân Việt Nam nắm giữ 100% tổng số vốn điều lệ của doanh nghiệp và sở hữu cơ sở phá dỡ tàu biển đã được đưa vào hoạt động.

4. Kế hoạch phá dỡ tàu biển là phương án do doanh nghiệp phá dỡ tàu biển lập để thực hiện việc phá dỡ đối với từng tàu biển.

Điều 4. Nguyên tắc nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng

1. Việc nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng phải bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, an toàn lao động, bảo vệ sức khỏe con người và môi trường.

2. Việc phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng chỉ được thực hiện tại cơ sở phá dỡ tàu biển đã được phép hoạt động theo quy định.

3. Tàu biển đã qua sử dụng được nhập khẩu để phá dỡ phải thuộc các trường hợp quy định tại Điều 8 của Nghị định này; người nhập khẩu tàu phải có bản kê khai danh mục vật liệu trên tàu theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Tàu biển đã qua sử dụng nhập khẩu để phá dỡ không được hoán cải, nâng cấp, chuyển đổi mục đích sử dụng và không được chuyển nhượng, mua, bán lại.

5. Tàu biển đã qua sử dụng nhập khẩu để phá dỡ phải được đưa vào cơ sở phá dỡ trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan nhưng không vượt quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày tàu đến cảng biển đầu tiên của Việt Nam; thời gian phá dỡ tàu biển không được kéo dài quá 180 (một trăm tám mươi) ngày kể từ ngày đưa tàu vào cơ sở phá dỡ.

6. Tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ không trong tình trạng thể chấp hoặc khiếu nại hàng hải.

Điều 5. Bảo vệ môi trường trong hoạt động phá dỡ tàu biển

Doanh nghiệp phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng có trách nhiệm:

1. Lập kế hoạch thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động phá dỡ đối với từng tàu biển hoặc phải có hợp đồng với doanh nghiệp được phép kinh doanh dịch vụ này về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động phá dỡ từng tàu biển.

2. Bố trí các khu vực để lưu giữ an toàn các loại chất thải phát sinh từ hoạt động phá dỡ tàu biển trước khi xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Xây dựng phương án khắc phục sự cố về môi trường xảy ra trong hoạt động phá dỡ tàu biển.

4. Áp dụng kịp thời, hiệu quả các biện pháp khắc phục sự cố môi trường xảy ra trong hoạt động phá dỡ tàu biển và phải báo cáo đến các cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

5. Mua bảo hiểm và thực hiện các nghĩa vụ về bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường liên quan đến hoạt động nhập khẩu, phá dỡ tàu biển.

6. Thực hiện các quy định khác có liên quan của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 6. Quy định về việc phá dỡ tàu biển Việt Nam, tàu biển nước ngoài bị chìm đắm tại Việt Nam

1. Tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam nếu thực hiện phá dỡ tại Việt Nam phải thực hiện theo quy định tại Điều 17, 18, 19 của Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Trường hợp tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài bị tai nạn, hư hỏng hoặc bị chìm đắm nếu có nhu cầu phá dỡ tại Việt Nam thì phải thực hiện việc nhập khẩu, phá dỡ tàu biển theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Chương II

ĐIỀU KIỆN NHẬP KHẨU TÀU BIỂN ĐÃ QUA SỬ DỤNG ĐỂ PHÁ DỠ

Điều 7. Điều kiện nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ

1. Doanh nghiệp phá dỡ tàu biển có đủ các điều kiện quy định dưới đây được Bộ Giao thông vận tải cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển để phá dỡ:

a) Có đăng ký ngành nghề kinh doanh nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ;

b) Có các bộ phận chuyên trách thực hiện nghiệp vụ về nhập khẩu; pháp luật hàng hải; an toàn lao động và bảo vệ môi trường;

c) Có vốn pháp định tối thiểu 50 (năm mươi) tỷ đồng Việt Nam.

2. Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ có hiệu lực thực hiện trong 05 (năm) năm kể từ ngày cấp.

3. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ.

Điều 8. Các loại tàu biển đã qua sử dụng được phép nhập khẩu để phá dỡ

1. Tàu chở hàng khô, gồm: Hàng tổng hợp, hàng rời, hàng thiết bị, gỗ dăm, gỗ cây, ngũ cốc, hàng đóng bao, hàng sắt thép.

2. Tàu công-ten-nơ.
3. Tàu chở quặng.
4. Tàu chở hàng lỏng, gồm: Dầu thô, dầu sản phẩm, dầu thực vật.
5. Tàu chở gas, khí hóa lỏng.
6. Tàu Ro-Ro, tàu khách, sà lan biển, phà biển.
7. Giàn khoan nổi.
8. Giàn khoan tự nâng.
9. Tàu chứa nổi.
10. Phương tiện chứa nổi và chuyển tải sản phẩm.
11. Các loại tàu biển khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 9. Trình tự thực hiện việc mua tàu biển nước ngoài đã qua sử dụng để phá dỡ

Doanh nghiệp phá dỡ tàu biển mua tàu biển nước ngoài đã qua sử dụng để phá dỡ thực hiện theo các bước sau:

1. Phê duyệt chủ trương mua tàu biển nước ngoài đã qua sử dụng để phá dỡ.
2. Lựa chọn tàu, xác định giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua tàu biển nước ngoài đã qua sử dụng để phá dỡ.
3. Lập, phê duyệt dự án mua tàu biển nước ngoài đã qua sử dụng để phá dỡ. Dự án mua tàu biển nước ngoài đã qua sử dụng để phá dỡ gồm các nội dung về sự cần thiết của việc đầu tư, loại tàu, số lượng, thông số kỹ thuật cơ bản của tàu, giá tàu dự kiến, nguồn vốn mua tàu, hình thức mua tàu, kế hoạch phá dỡ tàu biển, hiệu quả kinh tế và các nội dung cần thiết khác.
4. Quyết định mua tàu biển nước ngoài đã qua sử dụng để phá dỡ.

Điều 10. Thẩm quyền phê duyệt chủ trương, quyết định mua tàu biển nước ngoài đã qua sử dụng để phá dỡ

1. Thẩm quyền phê duyệt chủ trương, quyết định mua tàu biển nước ngoài đã qua sử dụng để phá dỡ đối với doanh nghiệp nhà nước hoặc doanh nghiệp có vốn góp nhà nước thực hiện theo quy định tại Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp,

Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Thẩm quyền phê duyệt chủ trương, quyết định mua tàu biển nước ngoài đã qua sử dụng để phá dỡ đối với doanh nghiệp không có vốn nhà nước thì do doanh nghiệp tự quyết định.

Điều 11. Thủ tục nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ

1. Hồ sơ phải nộp khi làm thủ tục nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ gồm các giấy tờ dưới đây:

a) Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ (01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực);

b) Quyết định của doanh nghiệp về việc mua tàu biển nước ngoài đã qua sử dụng để phá dỡ (01 bản gốc);

c) Hợp đồng mua bán tàu biển nước ngoài đã qua sử dụng (01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực);

d) Biên bản bàn giao tàu biển nước ngoài (01 bản gốc);

đ) Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển (01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực);

e) Văn bản chứng nhận tình trạng sở hữu của tàu biển (01 bản gốc);

g) Bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường (01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực);

h) Bản kê danh mục vật liệu trên tàu của chủ tàu (01 bản gốc);

i) Quyết định phê duyệt kèm theo Kế hoạch phá dỡ tàu biển (01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực).

2. Căn cứ hồ sơ nhập khẩu tàu biển quy định tại Khoản 1 Điều này, quy định của pháp luật về hải quan và các quy định khác có liên quan của pháp luật, cơ quan hải quan có trách nhiệm làm thủ tục nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ.

Chương III

ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ PHÁ DỠ TÀU BIỂN

Điều 12. Điều kiện đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động

1. Phù hợp với quy hoạch cơ sở phá dỡ tàu biển đã được phê duyệt.